CÔNG TY CỔ PHẦN **THỦY ĐIỆN GIA LAI** ***GIA LAI HYDROPOWER*** ***JOINT STOCK COMPANY*** Số: 07/2026/CBTT-GHC *No:07/2026/CBTT-GHC*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** Gia Lai, ngày 19 tháng 3 năm 2026 *Gia Lai, March 19, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ *To*: - **Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/** ***Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
   - *Name of organization:**GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY***
   - Mã chứng khoán/*Stock code*: GHC/*GHC*
   - Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
     Address: 114 Truong Chinh, Pleiku Ward, Gia Lai Province
   - Điện thoại liên hệ/*Tel:* (+84) 269 3830013 Fax: (+84) 269 3830013
   - E-mail: thuydiengla@geccom.vn

2. Các nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Báo cáo Tài chính kiểm toán Năm 2025/Audited Financial Statements_2025

3. Các Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/3/2026 tại đường dẫn https: https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005 mục Quan hệ Cổ đông – Báo cáo Tài chính - Năm 2025/ *This information has been published at 19/3/2026, on https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005 Shareholder Relations – Financial Report 2025*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

M.S.D.N: 4900288587 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
P.PLEIKU - T.GIA LAI

NGUYỄN THỊ ĐIỀU

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") như sau:

GCNĐKĐT Số	*Ngày*	*Nội dung*
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên Hệ thống công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu "GHC".

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "GHC" theo Quyết định niêm yết số 1262/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thái Hà và Ông Trần Danh Bảo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N:5900288566-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
P.PLEIKU

Trần Danh Bảo
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11540951/69231595

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 9 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng	Bùi Minh Toàn
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1	Số: 6375-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**275.942.109.000**	**317.638.258.967**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***17.729.651.553***	***16.247.244.072***
111	1. Tiền		4.729.651.553	11.247.244.072
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	5.000.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***251.457.185.356***	***294.741.164.294***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	72.604.461.055	67.423.324.463
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.318.183.110	516.770.350
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	176.000.000.000	224.000.000.000
136	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	1.534.541.191	2.801.069.481
140	***III. Hàng tồn kho***		***6.294.447.895***	***3.169.524.622***
141	1. Hàng tồn kho	8	6.294.447.895	3.169.524.622
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***460.824.196***	***3.480.325.979***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	460.824.196	3.454.871.434
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	-	25.454.545
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.210.326.079.540**	**1.175.807.891.040**
210	***I. Khoản phải thu dài hạn***		***96.742.469.733***	***-***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	80.000.000.000	-
216	2. Khoản phải thu dài hạn khác	7	16.742.469.733	-
220	***II. Tài sản cố định***		***691.402.158.636***	***753.153.755.560***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	674.119.394.685	735.370.926.457
222	Nguyên giá		1.317.946.851.751	1.317.111.021.751
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(643.827.457.066)	(581.740.095.294)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.282.763.951	17.782.829.103
228	Nguyên giá		22.239.570.976	22.239.570.976
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.956.807.025)	(4.456.741.873)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***-***	***318.181.819***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	318.181.819
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***420.000.000.000***	***420.000.000.000***
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết	12	420.000.000.000	420.000.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***2.181.451.171***	***2.335.953.661***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.181.451.171	2.335.953.661
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.486.268.188.540**	**1.493.446.150.007**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**388.412.299.060**	**460.736.192.407**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***88.987.299.060***	***82.011.192.407***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	673.449.121	656.848.749
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	26.403.549.164	16.277.812.617
314	3. Phải trả người lao động		253.093.804	212.032.087
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		974.918.276	666.676.639
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.409.751.110	4.153.619.484
320	6. Vay ngắn hạn	16	3.300.000.000	13.800.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	52.972.537.585	46.244.202.831
330	***II. Nợ dài hạn***		***299.425.000.000***	***378.725.000.000***
338	1. Vay dài hạn	16	299.425.000.000	378.725.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.097.855.889.480**	**1.032.709.957.600**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***18.1***	***1.097.855.889.480***	***1.032.709.957.600***
411	1. Vốn cổ phần		476.625.000.000	476.625.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*18.2*	*476.625.000.000*	*476.625.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		337.979.579.990	337.979.579.990
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.419.646.025	72.419.646.025
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		210.831.663.465	145.685.731.585
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*145.685.731.585*	*71.770.901.520*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*65.145.931.880*	*73.914.830.065*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.486.268.188.540**	**1.493.446.150.007**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng

M.S.D.N:5900288566-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
P.PLEIKU - T.GIA LAI

Trần Danh Bảo
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**	**19.1**	**333.751.521.500**	**316.625.082.835**
11	**2. Giá vốn hàng bán**	**20**	**(143.706.090.510)**	**(128.447.248.861)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**190.045.430.990**	**188.177.833.974**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19.2**	**34.762.657.003**	**54.323.838.652**
22	**5. Chi phí tài chính**	**21**	**(24.370.038.632)**	**(31.860.683.477)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(24.369.012.982)*	*(31.854.833.953)*
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**22**	**(8.340.142.006)**	**(7.923.442.941)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**192.097.907.355**	**202.717.546.208**
31	**8. Thu nhập khác**		**10.265.236**	**2.245.012.875**
32	**9. Chi phí khác**		**(343.636.364)**	**(373.039.720)**
40	**10. (Lỗ)/lợi nhuận khác**		**(333.371.128)**	**1.871.973.155**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**191.764.536.227**	**204.589.519.363**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**24.1**	**(22.847.765.827)**	**(23.102.307.174)**
60	**13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN**		**168.916.770.400**	**181.487.212.189**
70	**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**26**	**3.367**	**3.551**
71	**15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**26**	**3.367**	**3.551**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

M.S.D.N: 5900288566 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
P. PLEIKU - T. GIA LAI

Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng

Trần Danh Bảo
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**191.764.536.227**	**204.589.519.363**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	62.587.426.924	63.789.635.625
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.787)	(14.164)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34.436.810.078)	(54.291.003.181)
06	Chi phí lãi vay	21	24.369.012.982	31.854.833.953
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**244.284.159.268**	**245.942.971.596**
09	Tăng các khoản phải thu		(21.447.410.262)	(11.074.989.942)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(3.124.923.273)	3.359.491
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.304.788.946	(812.865.652)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.148.549.728	(3.322.613.436)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.495.409.817)	(32.028.971.430)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.280.352.239)	(29.160.329.080)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.717.503.766)	(5.105.150.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**184.671.898.585**	**164.441.411.547**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(835.830.000)	(779.619.273)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.300.000
23	Tiền chi cho vay		(341.000.000.000)	(184.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		309.000.000.000	131.400.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.769.365.909	54.288.672.904
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**1.933.535.909**	**510.353.631**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.623.841.064	6.530.684.903
34	Tiền trả nợ gốc vay		(91.423.841.064)	(83.830.684.903)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(95.323.033.800)	(95.351.173.200)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(185.123.033.800)**	**(172.651.173.200)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**1.482.400.694**	**(7.699.408.022)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**16.247.244.072**	**23.946.637.930**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.787	14.164
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**17.729.651.553**	**16.247.244.072**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo
Người lập/Kế toán trưởng	Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") như sau:

GCNĐKĐT Số	*Ngày*	*Nội dung*
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại Xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại Xã Đê Ar, huyện Mang Yang; Xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu GHC.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "GHC" theo Quyết định niêm yết số 1262/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 71 (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 72).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, phụ tùng và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 43 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	7 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Khác	4 – 19 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 8 tháng 11 năm 2019.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không cần trích khấu hao.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sữa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

- *Quỹ đầu tư và phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi ngân hàng	4.729.651.553	11.247.244.072
Các khoản tương đương tiền *(*)*	13.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	**17.729.651.553**	**16.247.244.072**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng với lãi suất từ 3,8% đến 4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ các bên khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	*47.571.824.571*	*28.160.580.908*
Công ty Mua Bán Điện	*24.528.212.352*	*38.753.519.095*
Khách hàng khác	*504.424.132*	*509.224.460*
TỔNG CỘNG	**72.604.461.055**	**67.423.324.463**

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**176.000.000.000**	**224.000.000.000**
Cho vay bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	176.000.000.000	224.000.000.000
Dài hạn	**80.000.000.000**	-
Cho vay bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	80.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**256.000.000.000**	**224.000.000.000**

6.1 Các khoản cho vay bên liên quan ngắn hạn

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay bên liên quan ngắn hạn như sau:

VND

	Số cuối năm	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*			
Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	122.000.000.000	6%	Tín chấp
Công ty CP Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	29.000.000.000	6%	Tín chấp
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	15.000.000.000	6%	Tín chấp
Công ty CP Năng Lượng Điện Cao Nguyên	10.000.000.000	6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**176.000.000.000**		

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

6.2 *Các khoản cho vay bên liên quan dài hạn*

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay dài hạn như sau:

VND

	Số cuối năm	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Bên liên quan *(thuyết minh số 25)*			
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	80.000.000.000	7%	Tín chấp

7. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.534.541.191**	**2.801.069.481**
Tạm ứng cho nhân viên	-	2.764.083.180
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	20.000.000
Khác	1.514.541.191	16.986.301
Dài hạn	**16.742.469.733**	**-**
Tạm ứng cho nhân viên	1.742.469.733	-
Đặt cọc *(i)*	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**18.277.010.924**	**2.801.069.481**

(i) Đây là khoản đặt cọc cho các cá nhân để đảm bảo nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty dự án nhà máy năng lượng mặt trời.

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công cụ, dụng cụ	3.786.678.860	2.547.657.382
Nhiên liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế	2.507.769.035	621.867.240
TỔNG CỘNG	**6.294.447.895**	**3.169.524.622**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**460.824.196**	**3.454.871.434**
Chi phí bảo hiểm	182.426.910	780.674.810
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	-	2.495.421.796
Khác	278.397.286	178.774.828
Dài hạn	**2.181.451.171**	**2.335.953.661**
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	1.099.629.254	2.319.420.171
Chi phí bảo hiểm	993.677.115	-
Công cụ, dụng cụ	88.144.802	16.533.490
TỔNG CỘNG	**2.642.275.367**	**5.790.825.095**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	421.960.274.528	775.176.147.222	53.528.863.438	2.497.992.590	63.947.743.973	1.317.111.021.751
Mua mới trong năm	-	36.730.000	-	799.100.000	-	835.830.000
Số cuối năm	421.960.274.528	775.212.877.222	53.528.863.438	3.297.092.590	63.947.743.973	1.317.946.851.751
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*34.023.986.178*	*7.147.982.913*	*3.506.598.269*	*997.626.005*	*17.698.854.195*	*63.375.047.560*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(212.772.746.389)	(301.761.930.559)	(17.993.392.457)	(1.895.938.326)	(47.316.087.563)	(581.740.095.294)
Khấu hao trong năm	(17.251.457.876)	(38.952.392.266)	(2.444.180.022)	(419.965.622)	(3.019.365.986)	(62.087.361.772)
Số cuối năm	(230.024.204.265)	(340.714.322.825)	(20.437.572.479)	(2.315.903.948)	(50.335.453.549)	(643.827.457.066)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	209.187.528.139	473.414.216.663	35.535.470.981	602.054.264	16.631.656.410	735.370.926.457
Số cuối năm	191.936.070.263	434.498.554.397	33.091.290.959	981.188.642	13.612.290.424	674.119.394.685

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 599.054.170.415 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 16.1)*.

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, TSCĐ hữu hình tại Nhà máy Thủy điện H'Chan với tổng giá trị còn lại là 13.831.635.217 VND đang được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty mẹ").

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất (*)	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*1.258.584.345*	*1.258.584.345*
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(3.198.157.528)	(1.258.584.345)	(4.456.741.873)
Hao mòn trong năm	(500.065.152)	-	(500.065.152)
Số cuối năm	(3.698.222.680)	(1.258.584.345)	(4.956.807.025)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	17.782.829.103	-	17.782.829.103
Số cuối năm	17.282.763.951	-	17.282.763.951

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 15.922.850.551 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 16.1)*

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết	420.000.000.000	420.000.000.000

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	*Địa chỉ*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	*Giá trị gốc (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)*	*Giá trị gốc (VND)*	*Dự phòng (VND)*
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện	29,72	250.000.000.000	-	29,72	250.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện	39,53	170.000.000.000	-	39,53	170.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				**420.000.000.000**	**-**		**420.000.000.000**	**-**

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết này chưa được xem xét và xác định chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cho các bên khác		
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Nhật Quang	*526.149.073*	*144.878.708*
Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Gia Thịnh	-	*418.000.000*
Nhà cung cấp khác	*147.300.048*	*93.970.041*
TỔNG CỘNG	**673.449.121**	**656.848.749**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.280.352.235	22.851.105.592	(13.280.352.239)	22.851.105.588
Thuế tài nguyên	1.210.619.248	15.156.018.129	(14.341.428.922)	2.025.208.455
Thuế giá trị gia tăng	1.722.922.978	24.759.158.654	(25.176.992.446)	1.305.089.186
Thuế thu nhập cá nhân	63.918.156	1.996.991.281	(1.938.763.502)	122.145.935
Thuế khác	-	1.697.199.750	(1.597.199.750)	100.000.000
TỔNG CỘNG	**16.277.812.617**	**66.460.473.406**	**(56.334.736.859)**	**26.403.549.164**
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	25.454.545	-	(25.454.545)	-

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức phải trả	3.748.218.026	3.736.357.326
Phí bảo vệ môi trường rừng	661.533.084	414.414.792
Khác	-	2.847.366
TỔNG CỘNG	**4.409.751.110**	**4.153.619.484**

16. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng đến hạn phải trả *(Thuyết minh số 16.1)*	13.800.000.000	-	(73.500.000.000)	63.000.000.000	3.300.000.000
Vay ngân hàng	-	1.623.841.064	(1.623.841.064)	-	-
Dài hạn					
Vay ngân hàng	378.725.000.000	-	(16.300.000.000)	(63.000.000.000)	299.425.000.000
TỔNG CỘNG	**392.525.000.000**	**1.623.841.064**	**(91.423.841.064)**	**-**	**302.725.000.000**

16.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*	*Mục đích vay*
	VND		*(%/ năm)*		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Gia Lai	292.000.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 29 tháng 1 năm 2030	(*)	TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 *(Thuyết minh số 10)*	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Gia Định	10.725.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 25 tháng 3 năm 2029	(**)	TSCĐ hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2; quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 *(Thuyết minh số 10)*; và tài sản của các đối tượng kinh doanh	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2, và Đại Ân 3
TỔNG CỘNG	**302.725.000.000**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn phải trả	*3.300.000.000*				
Vay dài hạn	*299.425.000.000*				

16. VAY (tiếp tục)

16.1 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

(*) Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong những năm tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm với thời hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 7,8%/năm (tại ngày đầu năm là: 7,2%/năm).

(**) Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất do BIDV - Chi nhánh Gia Định thông báo. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 8,4%/ năm (tại ngày đầu năm là: 8,4%/năm).

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	46.244.202.831	39.101.970.707
Tăng	8.445.838.520	12.247.382.124
Trừ: Sử dụng quỹ	(1.717.503.766)	(5.105.150.000)
Số cuối năm	52.972.537.585	46.244.202.831

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:					
Số đầu năm	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	71.770.901.520	958.795.127.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	181.487.212.189	181.487.212.189
Cổ tức công bố	-	-	-	(95.325.000.000)	(95.325.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi *(Thuyết minh số 17)*	-	-	-	(12.247.382.124)	(12.247.382.124)
Số cuối năm	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	145.685.731.585	1.032.709.957.600
Năm nay:					
Số đầu năm	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	145.685.731.585	1.032.709.957.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	168.916.770.400	168.916.770.400
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	-	(95.325.000.000)	(95.325.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi *(Thuyết minh số 17) (**)*	-	-	-	(8.445.838.520)	(8.445.838.520)
Số cuối năm	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	210.831.663.465	1.097.855.889.480

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2025 với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần, phù hợp với Nghị quyết 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2025.

(**) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được dựa vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 của Công ty căn cứ theo Nghị quyết 08/2025/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2025.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số đầu năm và cuối năm		
	Số lượng cổ phiếu	*Giá trị VND*	*%*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	29.804.891	298.048.910.000	62,53
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.350.000	13.500.000.000	2,83
Các cổ đông khác	16.507.609	165.076.090.000	34,64
TỔNG CỘNG	**47.662.500**	**476.625.000.000**	**100**

18.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và cuối năm	476.625.000.000	476.625.000.000

18.4 *Cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	3.736.357.326	3.762.530.526
Cổ tức phải trả trong năm *(Thuyết minh số 18.1)*	95.325.000.000	95.325.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(95.323.033.800)	(95.351.173.200)
Số cuối năm	**3.738.323.526**	**3.736.357.326**

18.5 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*
Cổ phiếu bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND

19. DOANH THU

19.1 *Doanh thu bán hàng*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán điện	332.691.756.586	315.234.141.199
Doanh thu khác	1.059.764.914	1.390.941.636
TỔNG CỘNG	**333.751.521.500**	**316.625.082.835**

19.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức được chia	17.000.000.000	38.000.000.000
Lãi cho vay *(Thuyết minh số 25)*	15.185.287.672	15.933.194.516
Lãi tiền gửi	2.569.704.225	356.508.665
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đối đã thực hiện	7.658.319	34.121.307
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	6.787	14.164
TỔNG CỘNG	**34.762.657.003**	**54.323.838.652**
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	*2.577.369.331*	*390.644.136*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*32.185.287.672*	*53.933.194.516*

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn bán điện	143.706.090.510	128.447.248.861

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	24.369.012.982	31.854.833.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.025.650	5.849.524
TỔNG CỘNG	**24.370.038.632**	**31.860.683.477**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	3.749.667.419	3.568.836.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.351.213.715	770.080.105
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	360.902.651	272.439.716
Chi phí khấu hao và hao mòn	117.367.049	420.169.544
Chi phí khác	2.760.991.172	2.891.917.310
TỔNG CỘNG	**8.340.142.006**	**7.923.442.941**

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao và hao mòn	62.587.426.924	63.789.635.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.128.179.472	32.386.602.491
Chi phí nhân công	15.980.216.300	15.200.598.185
Chi phí khác	30.350.409.820	24.993.855.501
TỔNG CỘNG	**152.046.232.516**	**136.370.691.802**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("Các dự án") trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.847.765.827	22.494.883.319
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	607.423.855
Tổng cộng	**22.847.765.827**	**23.102.307.174**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**191.764.536.227**	**204.589.519.363**
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Chi phí không được khấu trừ	3.868.867.867	3.953.906.652
Cổ tức được chia	(17.000.000.000)	(38.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**178.633.404.094**	**170.543.426.015**
Thuế tính ở thuế suất 20%	92.796.235.912	93.118.080.125
Thuế tính ở thuế suất 10%	85.837.168.182	77.425.345.890
	27.142.964.001	26.366.150.614
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	607.423.855
Thuế được miễn hoặc giảm	(4.295.198.174)	(3.871.267.295)
Chi phí thuế TNDN	**22.847.765.827**	**23.102.307.174**

24.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng Lượng Điện Cao Nguyên	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Định	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Du lịch TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Bên liên quan của cổ đông lớn

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm này và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Cổ tức	59.609.782.000	59.609.782.000
	Mua hàng hóa và dịch vụ	20.815.425.309	17.180.884.000
	Được chi hộ	483.673.468	480.834.888
	Chi hộ	149.722	430.925
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Thu hồi nợ	150.000.000.000	22.000.000.000
	Cho vay	98.000.000.000	41.000.000.000
	Lãi cho vay	10.141.808.220	10.444.383.562
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	83.740.000
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Cho vay	122.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.969.479.450	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	163.400.000
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Thu hồi nợ	50.000.000.000	27.000.000.000
	Cho vay	33.000.000.000	44.000.000.000
	Cổ tức được chia	17.000.000.000	25.500.000.000
	Lãi cho vay	828.328.768	534.739.723
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên	Cho vay	40.000.000.000	20.000.000.000
	Thu hồi nợ	30.000.000.000	20.000.000.000
	Lãi cho vay	592.602.739	318.904.109
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Cho vay	48.000.000.000	-
	Thu hồi nợ	19.000.000.000	5.000.000.000
	Lãi cho vay	164.383.562	144.657.533

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm này và năm trước bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Thu hồi nợ	39.300.000.000	52.000.000.000
	Lãi cho vay	394.306.850	2.630.564.383
	Cho vay	-	79.400.000.000
	Cổ tức được chia	-	12.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Thu hồi nợ	20.700.000.000	5.400.000.000
	Lãi cho vay	1.094.378.083	1.859.945.206
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	274.360.781	127.324.851
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa và dịch vụ	106.060.000	101.295.000
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	70.702.946	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	59.638.821	27.961.363
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	21.116.999	20.398.148
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	74.706.769
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.300.000

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 6)*		
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	122.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	29.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	15.000.000.000	147.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Điện Cao Nguyên	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	-	39.300.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	-	20.700.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gió Ia Bang	-	17.000.000.000
	176.000.000.000	224.000.000.000
***Phải thu về cho vay dài hạn** (Thuyết minh số 6)*		
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	80.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Các khoản thù lao cho Hội đồng quản trị			
Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch	520.000.000	520.000.000
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên	390.000.000	262.954.546
		910.000.000	782.954.546
Các khoản thù lao cho Ủy ban kiểm toán			
Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch	390.000.000	390.000.000
Ông Lê Thái Bình	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Ông Mai Văn Định	Thành viên	-	117.272.727
		1.170.000.000	1.287.272.727
Thu nhập của Ban Giám đốc và các vị trí quản lý khác			
Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc	723.747.835	652.527.056
Ông Ngô Trường Thạnh	Giám đốc	-	72.307.000
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc	210.619.500	146.614.000
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc	388.246.321	351.029.305
Ông Nguyễn Tiến Bằng	Kế toán trưởng	449.688.033	434.951.000
		1.772.301.689	1.657.428.361

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế *(VND)*	168.916.770.400	181.487.212.189
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.445.838.520)	(12.247.382.124)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	**160.470.931.880**	**169.239.830.065**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	47.662.500	47.662.500
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	3.367	3.551

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Dưới 1 năm	134.400.000	147.840.000
Từ 1 – 5 năm	268.800.000	-
TỔNG CỘNG	**403.200.000**	**147.840.000**

28. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắn chắn. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2026/NQ-HĐQT phê duyệt việc thành lập Công ty con của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai mang tên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Năng Lượng GHC với vốn điều lệ là 300.000.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo
Người lập/Kế toán trưởng	Giám đốc

M.S.D.N:5900288566-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI P.PLEIKU T.GIA LAI

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900288566, E=THUYDIENGIALAI@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-03-19 10:53:47
Foxit Reader Version: 9.1.0